TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Bố Trạch, ngày 22 tháng 10 năm 2021

Số: 70/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- *Thẩm phán ra quyết định:* Ông Nguyễn Xuân Diệu.

- *Người khởi kiện:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người bị kiện:* Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP C Việt Nam; địa chỉ: Số 108, đường T, Quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Phó phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số 50, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (theo Văn bản ủy quyền số: 1113/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021).

NỘI DUNG KẾT QUẢ HÒA GIẢI:

Theo nội dung Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải về việc tự nguyện ly hôn và hòa giải thành tại Tòa án ngày 05/10/2021, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Duy V và Đại diện Ngân hàng TMCP C Việt Nam thống nhất trình bày và thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Duy V thống nhất trình bày, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V ham chơi, không chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và hiện tình cảm anh chị không còn. Do đó, anh chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh V thống nhất trình bày, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Ngọc Kim Th, sinh ngày 27/9/2016; sau khi ly hôn giao anh V trực tiếp nuôi con Nguyễn

Ngọc Bảo T và giao chị N trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Kim Th. Không ai đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N, anh V và Đại diện Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình thỏa thuận:

+ Chị Nguyễn Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 390, tờ bản đồ số 12, diện tích 130,7m^2 tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 634598 ngày 25/5/2018 mang tên Nguyễn Thị N và quyền sở hữu 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 100m^2 được xây dựng trên thửa đất số 390, tờ bản đồ số 12 nói trên.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Duy V số tiền chênh lệch chia tài sản là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Anh Nguyễn Duy V được nhận số tiền chênh lệch chia tài sản là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) từ chị Nguyễn Thị N.

+ Đại diện Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình nhất trí ý kiến của đương sự: Chị Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm trả các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, cụ thể:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: 556001093309/2020-HĐCV/NHCT470 ngày 16/6/2020, số tiền nợ gốc là 285.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh đến ngày 04/10/2021 là 2.186.301 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 867005312452/2020-HĐCVHM/NHCT470 ngày 16/6/2020, số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 04/10/2021 là 3.835.616 đồng.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 04/10/2021 và tiền gốc, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/10/2021 trở đi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng thỏa thuận đã ký kết. Nếu chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 470-PTY.NHI-MY NGHE/2018/HĐBĐ/NHCT/470 ngày 21/8/2018 để thu hồi nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án được thẩm tra tại phiên hòa giải; ý kiến của các bên tham gia hòa giải, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Nội dung thỏa thuận, thống nhất trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản và tài

liệu kèm theo, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý hòa giải số: 121/2021/TLHG - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021; các Điều 55, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 9; các Điều 32, 33, 34, 35, 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 10 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số: 121/2021/TLHG-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 việc việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung*", cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Duy V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/5/2008 và Nguyễn Ngọc Kim Th, sinh ngày 27/9/2016. Sau khi ly hôn, giao anh V trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Bảo T và giao chị N trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Kim Th. Không ai có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung*:*

+ Giao chị Nguyễn Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 390, tờ bản đồ số 12, diện tích 130,7m^2 tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 634598 ngày 25/5/2018 mang tên Nguyễn Thị N và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 100m^2 được xây dựng trên thửa đất số 390, tờ bản đồ số 12 nói trên.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Duy V số tiền chênh lệch chia tài sản là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Anh Nguyễn Duy V được nhận số tiền chênh lệch chia tài sản là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) từ chị Nguyễn Thị N.

+ Chị Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm trả các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, cụ thể:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: 556001093309/2020-HĐCV/NHCT470 ngày 16/6/2020, số tiền nợ gốc là 285.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh đến ngày 04/10/2021 là 2.186.301 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 867005312452/2020-HĐCVHM/NHCT470 ngày 16/6/2020, số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh đến ngày 04/10/2021 là 3.835.616 đồng.

Chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 04/10/2021 và tiền gốc, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/10/2021 trở đi theo thỏa

thuận tại các Hợp đồng đã ký kết. Nếu chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 470-PTY.NHI-MY NGHE/2018/HĐBĐ/NHCT/470 ngày 21/8/2018 để thu hồi nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký kết.

2. Về chi phí hòa giải: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Duy V và Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình không phải chịu chi phí hòa giải theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Duy V, Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã T
(GCNKH số: 50, ngày 03/7/2007);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu